

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thuộc khu phố Bình Đường 2
Địa điểm: Phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi bổ sung một số điều; Luật số 03/2016/QH14; Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 18/4/2025 của UBND thành phố Dĩ An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình chỉnh trang đô thị do UBND phường An Bình làm Chủ đầu tư đợt 02 (02 công trình);

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 258/KT.HT&ĐT-HTKT ngày 24/6/2025 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thành phố Dĩ An;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân phường An Bình tại Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 16/6/2025 về việc thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thuộc khu phố Bình Đường 2.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thuộc khu phố Bình Đường 2 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thuộc khu phố Bình Đường 2.
2. Địa điểm xây dựng: Phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An.
4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân phường An Bình.
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng ATCO.

Tổ chức tư vấn thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thành Công Design.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình; thời gian sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Loại: Công trình giao thông.
- Nhóm dự án: nhóm C.
- Cấp dự án: Cấp IV.
- Thời gian sử dụng: 10 năm.

7. Mục tiêu dự án:

Hoàn chỉnh dần cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật giao thông đô thị, phục vụ người dân, doanh nghiệp, góp phần thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, môi trường và diện mạo đô thị sạch - đẹp, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân trong các tuyến đường. Tạo điều kiện thuận lợi, cần thiết cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân, đồng thời sẽ cải thiện tốt hơn tình trạng lưu thông, giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước, chỉnh trang đô thị, an toàn cho đời sống của người dân.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô công trình:

* Đường tổ 13-14-14A, khu phố Bình Đường 2:

- Tổng chiều dài tuyến: 345,93m.
- Chiều rộng mặt đường rộng trung bình: 3,46m.
- Nhánh 1:

+ Đổ lớp bê tông xi măng trên nắp đan mương và mặt đường hiện hữu, bề rộng theo hiện trạng.

- + Thay thế 1 số tấm đan hư hỏng.
- + Nâng hố ga hiện hữu, bổ sung đan lưới thép thu nước mặt.
- + Nạo vét toàn bộ hệ thống mương.
- Nhánh 2:

- + Làm mới kết cấu mặt đường bê tông nhựa, bề rộng theo hiện trạng.
- + Xây dựng mương bê tông cốt thép dọc tuyến kích thước 0,8x0,8m.
- Bố trí vạch sơn biển báo theo quy định.
- * Đường Dương Đình Nghệ, khu phố Bình Đường 2:
 - Chiều dài tuyến: 150m
 - Chiều rộng mặt đường trung bình: 5,9m
 - Gò chặn bên trái tuyến: 0,2m.
 - Thảm lại mặt đường bằng bê tông nhựa dày 5cm trên lớp bù vênh, sửa chữa mặt đường tại những vị trí hư hỏng.
 - Khoảng 25m xây dựng 1 hố thu dẫn nước từ bên trái qua mương hiện hữu bên phải tuyến.

- Bố trí vạch sơn biển báo theo quy định.

- * Đường Ngô Gia Tự, khu phố Bình Đường 2:

- Chiều dài tuyến: 344,90.
- Chiều rộng mặt đường trung bình: 2,90m.
- Thảm lại mặt đường bằng bê tông nhựa dày 5cm trên lớp bù vênh.
- Nạo vét hệ thống thoát nước.
- Bố trí vạch sơn biển báo theo quy định.

8.2. Các giải pháp kỹ thuật:

a) Thiết kế bình đồ

- * Đường tổ 13-14-14A, khu phố Bình Đường 2:

- Tổng chiều dài tuyến 345,93m:

- Nhánh 1:

- + Đầu tuyến giao với đường Hồ Tùng Mậu.

- + Cuối tuyến là hẻm nhỏ bê tông xi măng.

- + Chiều dài tuyến: 271,31m.

- Nhánh 2:

- + Đầu tuyến giao với đường Kha Vạn Cân.

- + Cuối giao với nhánh 1.

- + Chiều dài tuyến: 74,62m.

- Bình đồ tuyến được thiết kế trên cơ sở bám theo tuyến đường hiện hữu, vượt nổi êm thuận tại các vị trí giao cắt.

- * Đường Dương Đình Nghệ, khu phố Bình Đường 2:

- Tổng chiều dài tuyến 150m:

- + Đầu tuyến giao với đường Ngô Gia Tự.

- + Cuối tuyến giao với đường bê tông nhựa hiện hữu.

- Bình đồ tuyến được thiết kế trên cơ sở bám theo tuyến đường hiện hữu, vượt nổi êm thuận tại các vị trí giao cắt.

- * Đường Ngô Gia Tự, khu phố Bình Đường 2:

- Tổng chiều dài tuyến 344,90m:
- + Đầu tuyến giao với đường Hồ Tùng Mậu.
- + Cuối tuyến tại vị trí ngã ba (café góc phố Việt lập).
- Bình đồ tuyến được thiết kế trên cơ sở bám theo tuyến đường hiện hữu, vượt nổi êm thuận tại các vị trí giao cắt.

b) Thiết kế trắc dọc:

- Trắc dọc: Bám theo cao độ hiện trạng của tuyến đường, cao độ mặt đường thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật; Cao độ thiết kế đảm bảo êm thuận trong quá trình vận hành xe và giảm thiểu khối lượng, chi phí xây dựng, đảm bảo phương tiện đi lại êm thuận.

- Cao độ thiết kế: Cao độ thiết kế được khống chế theo các nguyên tắc sau:
 - + Vượt nổi dựa theo các điểm khống chế ở điểm đầu tuyến và điểm cuối tuyến, và các tuyến đường cùng cấp ở giữa tuyến.
 - + Đảm bảo độ dốc dọc tối thiểu thoát nước mặt đường và tối đa để xe chạy.
 - + Đảm bảo khối lượng đào đắp nhỏ, chọn độ dốc của đường đỏ bám theo đường hiện hữu.

c) Thiết kế trắc ngang:

- * Đường tổ 13-14-14A, khu phố Bình Đường 2:
 - Chiều rộng mặt đường rộng trung bình: 3,46m.
 - Độ dốc ngang mặt đường: Mặt đường dốc 2 mái 2% hướng vào tim đường.
 - Tuyến nhánh xây dựng mương bê tông cốt thép giữa đường kích thước 0,8x0,8m.
- * Đường Dương Đình Nghệ, khu phố Bình Đường 2:
 - Chiều rộng mặt đường trung bình: 5,9m
 - Gò chặn bên trái tuyến: 0,2m.
 - Độ dốc ngang mặt đường: Mặt đường dốc 2 mái 2% hướng ra lề đường.
- * Đường Ngô Gia Tự, khu phố Bình Đường 2:
 - Chiều rộng mặt đường rộng trung bình: 2,90m
 - Độ dốc ngang mặt đường: độ dốc mặt đường thay đổi, 2 mái hướng ra lề đường.

d) Thiết kế nền đường, áo đường

- * Đường tổ 13-14-14A, khu phố Bình Đường 2:
 - Nhánh 1:
 - + Kết cấu thảm lại bê tông xi măng mặt đường:
 - Bê tông xi măng đá 1x2, M300 dày 10cm.
 - Bù vênh mặt đường bằng lớp bê tông xi măng đá 1x2, M300.
 - Mặt đường bê tông xi măng hiện hữu (hoặc tẩm đan mương hiện hữu).
 - + Kết cấu áo đường đoạn vượt nổi đầu tuyến, cuối tuyến:
 - Bê tông xi măng đá 1x2, M300 dày 16cm.

- Lớp giấy dầu ngăn cách.
- Lớp cấp phối đá dăm loại 1 (Cấp phối đá dăm-25), dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0.98$, $E \geq 90 \text{Mpa}$.
- Nền đào lu lèn, đầm chặt $K \geq 0.98$.
- Nhánh 2:
 - + Thảm bê tông nhựa chặt C12.5 dày 6cm, lu lèn $K \geq 0.98$, $E \geq 135 \text{Mpa}$.
 - + Tưới thấm bảm bằng nhũ tương gốc axit CSS-1h, tiêu chuẩn 1kg/m².
 - + Lớp cấp phối đá dăm loại 1 (cấp phối đá dăm-25), dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0.98$, $E \geq 115 \text{Mpa}$.
 - + Lớp cấp phối đá dăm loại 1 (cấp phối đá dăm-37.5), dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0.98$, $E \geq 74 \text{Mpa}$.
 - + Nền đào (đắp), lu lèn $K \geq 0.98$, $E \geq 40 \text{Mpa}$.
- * Đường Dương Đình Nghệ, khu phố Bình Đường 2:
 - Kết cấu áo đường nâng cấp, thảm lại:
 - + Thảm bê tông nhựa chặt C12.5 dày 5cm, lu lèn $K > 0.98$, Trên lớp nhũ tương gốc axit CSS-1h, lượng nhũ tương 0,5kg/m².
 - + Bù vênh mặt đường bằng bê tông nhựa chặt C12.5, lu lèn $K > 0.98$, Trên lớp nhũ tương gốc axit CSS-1h, lượng nhũ tương 0,8kg/m².
 - + Vệ sinh sạch sẽ mặt đường bê tông nhựa hiện hữu trước khi tưới nhũ tương.
 - Kết cấu áo đường làm mới (vị trí hư hỏng, ổ voi):
 - + Thảm bê tông nhựa chặt C12.5 dày 5cm, lu lèn $K \geq 0.98$, $E \geq 150 \text{Mpa}$.
 - + Tưới dính bảm bằng nhũ tương gốc axit CSS-1h, tiêu chuẩn 0,5kg/m².
 - + Thảm bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm, lu lèn $K \geq 0.98$, $E \geq 135 \text{Mpa}$.
 - + Tưới thấm bảm bằng nhũ tương gốc axit CSS-1h, tiêu chuẩn 1,0kg/m².
 - + Lớp cấp phối đá dăm loại 1 (cấp phối đá dăm-25), dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0.98$, $E \geq 110 \text{Mpa}$.
 - + Lớp cấp phối đá dăm loại 1 (cấp phối đá dăm-37.5), dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0.98$, $E \geq 74 \text{Mpa}$.
 - + Nền đào (đắp), lu lèn $K \geq 0.98$, $E \geq 40 \text{Mpa}$.
- * Đường Ngô Gia Tự, khu phố Bình Đường 2:
 - Kết cấu áo đường nâng cấp, thảm lại:
 - + Thảm bê tông nhựa chặt C12.5 dày 5cm, lu lèn $K \geq 0.98$, Trên lớp nhũ tương gốc axit CSS-1h, lượng nhũ tương 0,5kg/m².
 - + Bù vênh mặt đường bằng bê tông nhựa chặt C12.5, lu lèn $K \geq 0.98$, Trên lớp nhũ tương gốc axit CSS-1h, lượng nhũ tương 0,8kg/m².
 - + Vệ sinh sạch sẽ mặt đường bê tông nhựa hiện hữu trước khi tưới nhũ tương.
 - Kết cấu áo đường đoạn vượt nối đầu tuyến, cuối tuyến:

- + Thảm bê tông nhựa chặt C12.5 dày 5cm, lu lèn $K \geq 0,98$, $E \geq 130\text{Mpa}$.
- + Tưới thấm bảm bằng nhũ tương gốc a xít CSS-1h, tiêu chuẩn 1kg/m^2 .
- + Lớp cấp phối đá dăm loại 1 (cấp phối đá dăm-25), dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0,98$, $E \geq 110\text{Mpa}$.
- + Nền đào (móng cấp phối đá dăm mặt đường cũ), lu lèn $K \geq 0,98$, $E \geq 70\text{Mpa}$.

e) Thiết kế bó nền.

* Đường Dương Đình Nghệ:

- Kích thước bó nền 0,20xh. Bó nền được đổ tại chỗ bằng bê tông xi măng đá 1x2, M250.

- Toàn bộ bó nền được đặt trên lớp bê tông lót đá 1x2, M150 dày 6cm .

f) Thiết kế hệ thống thoát nước

* Đường tổ 13-14-14A, khu phố Bình Đường 2:

- Nâng cổ hố ga nhánh 1:

+ Hố ga thoát nước mưa hiện hữu có kích thước phủ bì là 1,2x1,2(m), đáy đan bê tông cốt thép có kích thước 0,9x0,9x0,1(m). Thiết kế nâng cổ hố ga thoát nước mưa, các bước tiến hành như sau:

- Tháo bỏ tấm đan, đà hàm hiện hữu;

- Đục tạo nhám bề mặt thành hố ga;

- Đổ bê tông nâng thành hố ga bằng bê tông đá 1x2, M250;

- Cầu lắp đà hàm vào đúng vị trí. Đà hàm là cấu kiện đúc sẵn bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M250; được bọc cạnh bằng thép hình.

- Cầu lắp tấm đan bê tông vào đúng vị trí. Tấm đan bao gồm 1 đan bê tông bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M250 và 1 đan bằng lưới thép.

- Nạo vét toàn bộ mương hiện hữu nhánh 1.

- Thiết kế mương bê tông cốt thép nhánh 2:

+ Tại vị trí hố ga nằm ngay ngã ba giao với nhánh 1 thiết kế mương bê tông cốt thép đáy đan dẫn nước về hố ga hiện hữu đầu tuyến, từ đây nước chảy vào hệ thống cống tròn D1000 dọc đường Kha Vạn Cân.

+ Mương được làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M250 kích thước lọt lòng 0,8x0,8m, thành và đáy mương dày 20cm. Đan mương làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M250.

+ Bố trí hố ga dọc tuyến mương để thu nước, hố ga có kết cấu bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đổ tại chỗ, đáy hố ga và thành hố ga dày 20cm. Đà hàm ga bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M250 được bọc viền bằng thép hình. Nắp hố ga đáy bằng 1 đan lưới thép, 1 đan bê tông đá 1x2, M250. Tất cả các cấu kiện thép hình, thép tấm của đà hàm, nắp đan đều được mạ kẽm.

* Đường Dương Đình Nghệ, khu phố Bình Đường 2:

- Khoảng 25m bố trí 1 hố thu nước bên trái tuyến dẫn nước thoát về mương

hiện hữu bên phải tuyến thông qua ống HDPE D315, dày 18,7mm.

- Hồ thu làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M250.
- Hồ thu được đặt bằng nắp đan lưới thép.
- Tất cả các cấu kiện thép hình, thép tấm của đà hầm, nắp đan đều được mạ kẽm.

* Đường Ngô Gia Tự, khu phố Bình Đường:

- Nạo vét toàn bộ mương hiện hữu dọc 2 bên tuyến.

g) Thiết kế an toàn giao thông:

- Biển báo hiệu được thiết kế tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Vạch sơn gờ giảm tốc được thiết kế mới theo TCCS 34:2020/TCĐBVN.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

STT	Tên quy trình	Mã hiệu
A	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG TRONG CÔNG TÁC KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH	
1	Công tác trắc địa trong xây dựng - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
4	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
B	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG TRONG CÔNG TÁC THIẾT KẾ	
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2023/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
3	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
4	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
5	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
6	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018

7	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế	TCVN 7957:2023
8	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình chiếu sáng	QCVN 07-7:2023/BXD
9	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 13608:2023
10	Đèn điện LED chiếu sáng đường và phố - Hiệu suất năng lượng	TCVN 12666:2019
C	TIÊU CHUẨN VỀ VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM, THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU	
	<i>Tiêu chuẩn về vật liệu</i>	
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	QCVN 16:2023/BXD
2	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
3	Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
4	Ximăng Pooc lăng	TCVN 2682:2020
5	Nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817:2011
6	Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm vật liệu nhựa đường	TCVN 8818:2011
7	Bê tông nhựa - Phương pháp thử	TCVN 8860:2011
8	Thép cốt bê tông - Thép thanh tròn trơn và thép thanh vằn	TCVN 1651:2018
9	Thép hình cán nóng – Phần 1; phần 2; phần 5; phần 11; phần 15; phần 16.	TCVN 7571-1:2019; TCVN 7571-2:2019 ; TCVN 7571-5:2006 ; TCVN 7571-11:2019; TCVN 7571-15:2019; TCVN 7571-16:2017;
	<i>Tiêu chuẩn về thi công – kiểm tra – giám sát chất lượng công trình</i>	

<i>Phần đường</i>		
1	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
2	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
3	Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361:2012
4	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377:2012
5	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
6	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1:2022
7	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các móng đường bằng vật liệu rời ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011
8	Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0m.	TCVN 8864:2011
9	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám của mặt đường bằng phương pháp rắc cát - Thử nghiệm	TCVN 8866:2011
10	Áo đường mềm - Xác định môđun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng.	TCVN 8861:2011
11	Dung sai trong xây dựng công trình - Phần 8: Kiểm tra kích thước và kiểm tra thi công	TCVN 9259-8:2012
12	Áo đường mềm - Xác định môđun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng benkelman	TCVN 8867:2011
<i>Bê tông – Bê tông cốt thép</i>		
1	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
2	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Qui phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995

D	TIÊU CHUẨN VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình	QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 01:2020/BCT
4	An toàn nổ - Yêu cầu chung	TCVN 3255:1986
E	TIÊU CHUẨN VỀ MÔI TRƯỜNG	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung	QCVN 27:2010/BTNMT
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại	QCVN 07:2009/BTNMT
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí	QCVN 05:2023/BTNMT
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt	QCVN 08:2023/BTNMT
F	TIÊU CHUẨN VỀ BẢO TRÌ	
1	Hướng dẫn về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021
2	Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 1 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021
3	Quy định về quản lý vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ	Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018

4	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018	Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021
5	Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 14182:2024
6	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 3.000.119.334 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ, không trăm triệu, một trăm mười chín nghìn, ba trăm ba mươi bốn đồng*). Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.108.475.089 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 63.760.287 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 274.425.752 đồng.
- Chi phí khác: 53.243.100 đồng.
- Chi phí dự phòng: 500.215.106 đồng.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025.

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2025.

- Thực hiện dự án: Năm 2025 - 2027.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố Dĩ An.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

Điều 2. Sau khi Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thuộc khu phố Bình Đường 2 được phê duyệt, UBND phường An Bình có trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND thành phố, Chủ tịch UBND phường An Bình và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT Nguyễn Thanh Huy;
- Như Điều 3;
- Phòng TC-KH thành phố;
- Phòng KT, HT&ĐT thành phố;
- LĐVP, CV ĐT;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Võ Văn Hồng